**MA TRẬN ĐỀ 1 KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NH 2022-2023**

**MÔN ĐỊA LÍ 8 NH 2022-2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |  |
| **1** | ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng  – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam  – Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn  – Hồ, đầm và nước ngầm  – Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta |  | 1(2 đ) |  |  |  | 1 (2 đ) |  | 1 (1 đ) | 3 câu= 50%  = 5 điểm |
| **2** | ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu |  |  |  | 1 (3đ) |  |  |  |  | 1câu=30%=3 điểm |
| **3** | ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  – Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  – Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam  – Đặc điểm chung của sinh vật  – Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam |  | 1(2đ) |  |  |  |  |  |  | 1câu=20%=2 điểm |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***40%*** | | ***30%*** | | ***20%*** | | ***10%*** | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ 1 KIỂM TRA CUỐI KÌ II NH 2022-2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(1)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(2)** | **Mức độ đánh giá**  **(3)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức (4)** | | | | **Tổng số câu/ Tỉ lệ %** |
|  | ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng  – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam  – Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn  – Hồ, đầm và nước ngầm  – Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  – Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.  – Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.  – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  – Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.  **Vận dụng**  – Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.  – Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.  **Vận dụng cao**  – Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.  – Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. | 1 |  | 1 | 1 | 3 câu 50% = 5 điểm |
| 2 | ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.  – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Thông hiểu**   * So sánh được các khu vực địa hình nước ta   – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  **Vận dụng**  – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. |  | 1 |  |  | 1 câu =30%  =3điểm |
| 3 | ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  – Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  – Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam  – Đặc điểm chung của sinh vật  – Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam | **Nhận biết**  – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  – Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  – Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.  **Vận dụng**  – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất.  – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | 1 |  |  |  | 1 câu =20%  =2điểm |
| Số câu/ loại câu | | |  | 2 | 1 | 1 | 1 |  |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40*** | ***30*** | ***20*** | ***10*** |  |

|  |
| --- |
|  |
|  |

UBND QUẬN PHÚ NHUẬN



**TRƯỜNG QUANG TRUNG-NGUYỄN HUỆ**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ 8**

**Thời gian làm bài : 45 phút** *(không kể thời gian phát đề)*

**Câu 1: (2 điểm)** Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam?

**Câu 2: (3 điểm)** Em hãy so sánh sự giống và khác nhau của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?

**Câu 3: ( 2 điểm)**  Em hãy trình bày đặc điểm của nhóm đất feralit?

**Câu 4: (3 điểm)** Dựa vào bảng lượng mưa(mm) và lưu lượng (m3/ s) theo các tháng trong năm của lưu vực sông Hồng (Trạm Sơn Tây).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| L.mưa (mm) | 19,5 | 25,6 | 34,5 | 104,2 | 222,0 | 262,8 | 315,7 | 335,2 | 271,9 | 170,1 | 59,9 | 17,8 |
| L.Lượng (m3/s) | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

a.Vẽ biểu đồ thể hiện lượng mưa(mm) của lưu vực sông Hồng (trạm Sơn Tây)? **(2 điểm)**

b. Em hãy đề xuất cách phòng chống lũ của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long? **(1 điểm)**

……..HẾT……..

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **SỐ ĐIỂM** |
| **1** | Câu 1: Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam? (2 điểm) \*Nhiệt đới: Số giờ nắng: 1400 - 3000 giờ; Nhiệt độ trung bình năm >210C  \*Gió mùa: mùa đông lạnh khô với gió mùa Đông Bắc và mùa hạ nóng ẩm với gió mùa Tây Nam.  \*Ẩm: Lượng mưa trung bình: 1500 - 2000 mm và độ ẩm không khí > 80% | **1đ**  **0,5đ**  **0,5đ** |
| **2** | **Em hãy so sánh sự giống và khác nhau của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?**  ***Giống nhau:*** Đồng bằng sông Cửu Long & đồng bằng sông Hồng đều là đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn . Đây là 2 vùng nông nghiêp trọng điểm trồng lúa lớn nhất nước  ***Khác nhau:***   * **Đồng bằng Sông Cửu Long :** rộng 40.000 km²,cao Trung Bình 2 – 3m so với mực nước biển . Đồng bằng không có đê lớn ngăn lũ mà chỉ có hệ thống kênh rạch chằn chịt. * **Đồng bằng Sông Hồng :** rộng 15.000 km²,có hệ thống đê dài > 2700 km,chia cắt Đồng bằng thành nhiều ô trũng. | **1đ**  **1đ**  **1đ** |
| **3** | **Em hãy trình bày đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam?**  a.Diện tích và giới hạn: Biển Việt Nam là một phần của biển Đông. Biển Đông là vùng biển lớn, tương đối kín, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á  b. Đặc điểm khí hậu và hải văn:  -Chế độ gió: có 2 mùa gió  + Gió mùa Đông Bắc  + Gió mùa Tây Nam  -Chế độ nhiệt: nhiệt độ trung bình năm của nước biển ở tầng mặt là trên 23oC  -Chế độ mưa: từ 1100-1300 mm/năm  -Chế độ triều: vùng biển ven bờ có nhiều chế độ thủy triều khác nhau  -Độ muối trung bình của biển Đông : 30 -33 %o | **1đ**  **Thiếu 1 ý -0.25** |
| **4** | 1. **Vẽ biểu đồ đường: đúng, đẹp**   Thiếu tên: -0,5 đ  Thiếu đơn vị: -0,25 đ  Sai cột: -0,25   1. ĐBSCL phòng chóng lũ bằng cách làm kênh rạch,   ĐBSH xây dựng nhiều đê điều. | **2đ**  **1đ** |